

Số: 4288/QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 08 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Hiệp 52
đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà bà Yến, phường Tân Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Xét Văn bản số 150/KT,HT&ĐT-TĐ ngày 27/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tờ trình số 150/TTr-KT,HT&ĐT ngày 27/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Hiệp 52 đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà bà Yến, phường Tân Hiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Hiệp 52 đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà bà Yến, phường Tân Hiệp, với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên công trình:** Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Hiệp 52 đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà bà Yến, phường Tân Hiệp.

2. **Người quyết định chủ trương đầu tư:** UBND thành phố Tân Uyên.

3. **Người quyết định đầu tư:** UBND thành phố Tân Uyên.

Chủ đầu tư: UBND phường Tân Hiệp.

4. **Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1. **Mục tiêu đầu tư:**

Nhằm từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch mạng lưới đường giao thông, hệ thống thoát nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong khu vực.

4.2. **Quy mô đầu tư xây dựng:**

4.2.1 Quy mô đầu tư :

- Tải trọng xe thiết kế	Trục xe t/c tính toán 6 Tấn.
- Chiều dài tuyến	949m.
- Vận tốc thiết kế	20 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa	9%.
- Bề rộng mặt đường	6,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.
- Gò chặn bên phải tuyến	0,2m.
- Kết cấu mặt đường	BTNN.
- Hệ thống thoát nước dọc	Mương BTCT.

4.2.2 Giải pháp kỹ thuật

a. Bình đồ:

Chiều dài tuyến L=949m. Do tính chất và mặt bằng hiện trạng của tuyến đường nên bình đồ tuyến thiết kế chủ yếu bám theo tim đường hiện hữu mở rộng đều ra hai bên.

b. Trắc dọc:

- Trắc dọc chủ yếu bám theo cao độ tim đường hiện hữu. Tuy nhiên để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường cũng như độ êm thuận của xe khi tham gia lưu thông trắc dọc tuyến đắp bù phụ ở một số đoạn.

- Với yêu cầu cao độ hoàn thiện tuyến đường vừa đảm bảo kết nối êm thuận với các tuyến đường xung quanh, tránh ứ đọng nước, tận dụng được nền đường hiện hữu, đồng thời cân đối và hài hòa với địa hình tự nhiên của tuyến.

c. Trắc ngang:

- Bề rộng mặt đường	6,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.
- Gò chặn bên phải tuyến Km0+500 đến Km0+949	0,2m.
- Hệ thống thoát nước dọc phải tuyến	
+ Từ Km0+000 đến Km0+500	Mương BTCT (80x80)cm.
- Hệ thống thoát nước dọc trái tuyến	
+ Từ Km0+000 đến Km0+949	Mương BTCT (80x80)cm.

d. Kết cấu áo đường (tính từ trên xuống):

* Phần mặt đường hiện hữu đoạn từ Km0+000 đến Km0+500:

- Lớp bê tông nhựa nóng C12,5 dày 7cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Tưới lớp nhũ tương tiêu CSS – 1h tiêu chuẩn $1,0 \text{ Kg/m}^2$.

- Trải lớp cấp phối 0x4 loại 1 lớp trên dày 12 cm ($D_{\max}=25\text{mm}$), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Trải lớp cấp phối 0x4 loại 1 lớp dưới dày 18 cm ($D_{\max}=37,5\text{mm}$), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Bù phụ mặt đường bằng cấp phối đá dăm 0x4 loại 1 ($D_{max}=37,5\text{mm}$), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$ tới cao trình đáy lớp dưới.

*** Phần mặt đường hiện hữu đoạn từ Km0+500 đến Km0+949:**

- Lớp bê tông nhựa nóng C12,5 dày 7cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Tưới lớp nhũ tương tiêu CSS – 1h tiêu chuẩn $1,0 \text{ Kg/m}^2$.

- Trái lớp cấp phối 0x4 loại 1 lớp trên dày 12 cm ($D_{max}=25\text{mm}$), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Trái lớp cấp phối 0x4 loại 1 lớp dưới dày 18 cm ($D_{max}=37,5\text{mm}$), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Bù phụ mặt đường bằng đất cấp 3 (cấp phối sỏi đỏ), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 85\text{Mpa}$ tới cao trình đáy lớp dưới.

*** Phần mặt đường mở rộng:**

- Bê tông nhựa C12.5 dày 6cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Tưới nhũ tương tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$.

- Trái lớp Cấp phối đá 0x4 loại 1 lớp trên ($D_{max}=25\text{mm}$) dày 12 cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Trái lớp Cấp phối đá 0x4 loại 1 lớp dưới ($D_{max}=37,5\text{mm}$) dày 18 cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 120\text{Mpa}$.

- Bù phụ đất cấp 3 (cấp phối sỏi đỏ), lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E \geq 85\text{Mpa}$.

- Vết hữu cơ dày 30cm và đắp trả phần vết hữu cơ bằng đất C3 (cấp phối sỏi đỏ), lu lèn $K \geq 0,98$, $E \geq 85\text{Mpa}$.

e. Kết cấu lề đường, gờ chặn:

- Lề đường: Đắp cấp phối sỏi đỏ lề đường, lu lèn đạt $K \geq 0,95$ $E \geq 85\text{Mpa}$:

- Gờ chặn: Đổ bê tông đá 1x2 M250, dày 20 cm, cao 40cm; trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150, dày 10cm.

f. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước dọc:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+500: Xây mới mương hộp BTCT (80x80)cm bên phải tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M250, dày 20cm; trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150, dày 10cm; nắp đan bê tông đá 1x2 M250, dày 15cm. Khoảng cách trung bình 20m bố trí 1 đan thép dày 10cm.

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+949: Xây mới mương hộp BTCT (80x80)cm bên trái tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M250, dày 20cm; trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150, dày 10cm; nắp đan bê tông đá 1x2 M250, dày 15cm. Khoảng cách trung bình 20m bố trí 1 đan thép dày 10cm.

g. Hệ thống an toàn giao thông:

Hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41 :2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34 :2020/TCĐBVN.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Đại Dương Xanh.

6. Địa điểm xây dựng:

Đường Tân Hiệp 52, khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình: < 25 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn :

8.1 Số bước thiết kế : 01 bước.

8.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 13592-2022 : Đường Đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCCS 38-2022/TCĐBVN : Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCCS 31-2020/TCĐBVN : Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 5574-2018 : Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 07:2023 : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 41 :2024/BGTVT ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- Các tài liệu tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

9. Tổng vốn đầu tư: 12.040.367.567 đồng (*Mười hai tỷ, không trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng*).

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 10.837.326.470 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án: | 254.504.559 đồng. |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 830.710.222 đồng. |
| - Chi phí khác: | 117.826.316 đồng. |

10. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.
- Thực hiện dự án: Năm 2025 – 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố Tân Uyên.

12. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, UBND phường Tân Hiệp có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Chủ tịch UBND phường Tân Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Trí.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Tươi

Đoàn Hồng Tươi

